

Số: 02/2022/TTr-ĐHĐCĐ

Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 01 năm 2022

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và
kế hoạch về chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa,

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.500.000.000.000	1.474.911.391.638	98,33%
2	Doanh thu thuần	1.425.000.000.000	1.404.424.090.024	98,56%
3	Lợi nhuận sau thuế	15.000.000.000	15.440.626.818	102,94%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,10%	1,10%	100,00%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,60%	7,00%	106,06%
6	Tỷ lệ cổ tức (*)	5%	6%	120,00%



(*) Cổ tức được chi trả bằng cổ phiếu. Tỷ lệ cổ tức được tính căn cứ trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại ngày 12/01/2022.

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty, HĐQT xin đưa ra các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 (số liệu hợp nhất) như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.800.000.000.000	22%
2	Doanh thu thuần	1.746.000.000.000	24%
3	Lợi nhuận sau thuế	25.000.000.000	62%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,4%	30%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	7,7%	10%
6	Tỷ lệ cổ tức	Từ 05% - 10%	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Khả

